

Biểu số 4.1. Cam kết chất lượng giáo dục

UBND QUẬN LÊ CHÂN
TRUNG TÂM GDNN-GDTX

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông
Năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6,7,8,9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	- Điều kiện tuyển sinh:	Tất cả học sinh trên địa bàn quận Lê Chân và một số ở địa bàn lân cận đã hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục Tiểu học.	Tất cả HS trên địa bàn quận Lê Chân và một số ở địa bàn lân cận đều được tuyển sinh. <u>Yêu cầu:</u> HS đã học xong chương trình lớp 9.	Tất cả HS trên địa bàn quận Lê Chân và một số ở địa bàn lân cận đều được tuyển sinh. <u>Yêu cầu:</u> HS đã học xong chương trình lớp 10	Tất cả HS trên địa bàn quận Lê Chân và một số ở địa bàn lân cận đều được tuyển sinh. <u>Yêu cầu:</u> HS đã học xong chương trình lớp 11
		- Học sinh học nghề hướng nghiệp: Đối tượng là học sinh lớp 8,9,11 trên địa bàn quận Lê Chân; HS lớp 11,12 đang học tại Trung tâm. - Học viên học nghề xã hội: Đào tạo nhân lực trình độ sơ cấp và nghề dưới 03 tháng cho mọi đối tượng trên địa bàn quận và thành phố.			
II	- Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ:	- Thực hiện chương trình do Bộ GD&ĐT ban hành thực hiện theo CV: + Cấp THCS: CV số 627/BGDĐT-GDĐT ngày 28/2/2022 v/v hướng dẫn thực hiện Chương trình GDĐT cấp THCS. + Cấp THPT: CV số 4028/BGDĐT-GDĐT ngày 23/8/2022 v/v hướng dẫn thực hiện Chương trình GDĐT cấp THPT năm học 2022-2023 - Thực hiện chuyên môn theo hướng dẫn của Phòng GDĐT& ĐH Sở GD & ĐT Hải Phòng & Phòng Dạy nghề - Sở LĐ TB & XH CV số 2754/SGDĐT-GDĐT&ĐH ngày 31/8/2022 hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023 đối với GDĐT.			
III	- Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. - Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Trung tâm sẽ thông báo kết quả giáo dục hạnh kiểm và học tập của học sinh theo từng tháng, từng học kì; gia đình phải liên hệ thường xuyên với GVCN, với Ban Giám đốc để cùng phối hợp giáo dục HS. HS phải chấp hành đầy đủ nội quy của Trung tâm			
IV	- Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học viên ở CSGD.	- Phòng học của Trung tâm đảm bảo đủ cho học sinh học nghề hướng nghiệp, học sinh GDĐT, nghề xã hội (8 phòng học). Trong mỗi phòng học được trang bị bàn ghế 2 hoặc 4 chỗ ngồi, bảng chống loá, điện, quạt phục vụ tốt cho việc học tập của học sinh. - Trung tâm có đủ trang thiết bị dạy học, phòng máy tính... đáp ứng nhu cầu giảng dạy của GV và nhu cầu học tập của học sinh.			
VI	- Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Cuối năm học, phần đầu có 100% HS lên lớp thẳng và 100% học sinh lớp 9 được công nhận Tốt nghiệp THCS; Trên 90% HV TN THPT.. - Cuối năm học, 100% HS đều có đủ sức khoẻ để học tập, sinh hoạt, vui chơi.			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học viên	Đảm bảo theo quy định giáo dục.			

Hải Phòng, ngày 6 tháng 9 năm 2022
Thủ trưởng đơn vị **GIÁM ĐỐC**
Phạm Thị Mỹ Hạnh



THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học viên thuộc diện xếp loại hạnh kiểm	446	5	10	175	141	115
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số 389/446 = 87,2%)	389	1	3	148	131	106
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số 53/446 = 11,9 %)	53	3	6	25	10	9
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số 4/446 = 0,9 %)	4	1	1	2	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
II	Số học viên chia theo học lực	446	5	10	175	141	115
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số 16/446 = 3,6%)	16			4	1	11
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số 308/446 = 69,1 %)	308	1	4	101	99	103
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số 121/446 = 27,1%)	121	4	6	70	40	1
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số: 1/446 = 0,2%)	1				1	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số: 0%)	0					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số 99,8%)	445	5	10	175	140	115
a	Học viên giỏi (tỷ lệ so với tổng số = 3,5%)	16			4	1	11
b	Học viên tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số) 69%	308	1	4	101	99	103
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số) 0,2%	1				1	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0					
4	Bỏ học (tỷ lệ so với tổng số)						
IV	Số học viên dự xét hoặc thi tốt nghiệp (Không tính thí sinh tự do)						
V	Số học viên được công nhận tốt nghiệp			10			94
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)			4			
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)			6			
VI	Số học viên thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số:)						

VII	Số học viên vào học các cơ sở GD nghề nghiệp khác (tỷ lệ so với tổng số)							
-----	--	--	--	--	--	--	--	--

B. Đào tạo liên kết hình thức vừa làm vừa học, từ xa (đại học, cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm): Không có

C. Các chương trình bồi dưỡng, đào tạo khác

STT	Chương trình bồi dưỡng, đào tạo	Số người tham gia	Thời gian bồi dưỡng, đào tạo (tháng)	Số người được cấp chứng chỉ (nếu có)
1	Nghề hướng nghiệp	3400	Năm học 2021-2022	90
2	Bồi dưỡng tin học	25	tháng	
3	Trung cấp nghề (Phối hợp ĐT miễn học phí với trường CĐ nghề KT-KT Bắc Bộ)		2 năm	
	1. Lớp CNTT	24	2 năm	22
	2. Lớp Thương mại – điện tử	25	2 năm	

Hải Phòng, ngày ..6. tháng ..7. năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Mỹ Hạnh

UBND QUẬN LÊ CHÂN
TRUNG TÂM GDNN-GDCTX



THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục
Năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	8	Số m ² /HS: 3.4
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	8	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	02	-
IV	Tổng diện tích đất (m ²) (cs1:778m ² ; CS2: 463,66m ²)	1241,66	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)		
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	320	
2	Diện tích phòng thiết bị (m ²)	20	
3	Diện tích thư viện (m ²)	20	
4	Diện tích nhà đa năng (Phòng gd rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng khác (....)(m ²)	145,63	
VII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	35	
VIII	Tổng số thiết bị		
1	Ti vi	02	
2	Đài Cassette	02	
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	02	

IX	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	01		01		01
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
X	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XIII	Tường rào	x	



Biểu số 4.4. Thông tin về cán bộ, giáo viên

UBND QUẬN LÊ CHÂN
TRUNG TÂM GDNN-GDTC



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**Công khai về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
Năm học 2022 - 2023**

T T	Nội dung	LĐ cần có theo TT35	Lao động hiện có												
			Tổng LĐ hiện có	Biên chế			Hợp đồng quận				Hợp đồng thỉnh giảng				
				ĐH	CD	TC	CH	CD	TC	KCM	ĐH	CD	TC	KCM	
I	Giáo viên		16	05								11			
1	Toán		03	01								02			
2	Lý		03									03			
3	Hoá -Sinh		02	02											
4	Văn		03	01								02			
5	Sử		03									03			
6	Địa		01									01			
7	GDCD														
8	Tin		01	01											
9	Công nghệ														
II	BGD		02	02											
III	Nhân viên		10	03								01			06
1	T.viện-TB														
2	Kế toán		01	01											
3	Thủ quỹ														
4	Hành chính		01	01											
5	Giáo vụ- Dạy nghề		02	01								01			
6	Bảo vệ		05												05
7	Lao công		01												01
IV	Tổng cộng		28	10								12			06

THÔNG BÁO

Công khai số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học 2021-2022 và 02 năm tiếp theo

TT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số lượng người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
1	Năm học 2021-2022	Phạm Thị Mỹ Hạnh-GĐ	01	BD chương trình SGK PT 2018; Tập huấn Stem và Lớp học thông minh; Tập huấn CBQL ngành học GDTX do Bộ GD & ĐT tổ chức	Trực tuyến trên LMS của Sở GD & ĐT HP; & Tập huấn Trực tiếp do Bộ GD & ĐT tổ chức	Chứng nhận
2	Năm học 2021-2022	Ngô Thị Thanh Lý -PGĐ	01	BD chương trình SGK PT 2018; Tập huấn thực hiện chương trình GDTX cấp THPT môn GDCD	Trực tuyến trên LMS; & Tập huấn Trực tiếp do Sở GD & ĐT tổ chức	Chứng nhận
3	Năm học 2021-2022	Lê Ngân Hà - Tổ trưởng CM	01	BD chương trình SGK PT 2018; Tập huấn thực hiện chương trình GDTX cấp THPT môn Toán	Trực tuyến trên LMS & Tập huấn Trực tiếp do Bộ GD & ĐT tổ chức	Chứng nhận
4	Năm học 2021-2022	Trần Văn Hán - GV	01	BD chương trình SGK PT 2018; Tập huấn thực hiện chương trình GDTX cấp THPT môn Hóa; Công nghệ	Trực tuyến trên LMS; & Tập huấn Trực tiếp do Bộ GD & ĐT tổ chức	Chứng nhận
5	Năm học 2021-2022	Hoàng Thị Thu Hương - Tổ trưởng	01	BD chương trình SGK PT 2018; Tập huấn thực hiện chương trình GDTX cấp	Trực tuyến trên LMS; & Tập huấn Trực tiếp do Sở GD & ĐT tổ chức	Chứng nhận

